

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt  
Địa chỉ: Lô 1&2, Khu F1, KCN Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
MST: 0301338681

Trả lời văn thư số 0505/2017/CV-QĐ ngày 05/05/2017 của Công ty về chính sách thuế. Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số Điều của Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Điều 48 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam quy định biện pháp khấu trừ thuế:

“Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập và đã nộp thuế tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam, nếu tại Hiệp định, Việt Nam cam kết thực hiện biện pháp khấu trừ thuế thì khi đối tượng cư trú này kê khai thuế thu nhập tại Việt Nam, các khoản thu nhập đó sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam và số tiền thuế đã nộp ở Nước ký kết sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam. Việc khấu trừ thuế thực hiện theo các nguyên tắc dưới đây:

a) Thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là sắc thuế được quy định tại Hiệp định;

b) Số thuế được khấu trừ không vượt quá số thuế phải nộp tại Việt Nam tính trên thu nhập từ Nước ký kết theo quy định pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam nhưng cũng không được khấu trừ hoặc hoàn số thuế đã nộp cao hơn ở nước ngoài;

c) Số thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là số thuế phát sinh trong thời gian thuộc năm tính thuế tại Việt Nam.

...”.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

“...

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

...”

Căn cứ quy định trên, trường hợp của Công ty theo trình bày: là nhà thầu phụ thực hiện xuất khẩu cung cấp và lắp đặt mặt dựng cho các dự án nhà cao tầng tại Campuchia/Myanmar. Theo quy định của Hợp đồng ký kết với khách hàng nước ngoài thì trước khi khách hàng thanh toán tiền cho Công ty sẽ thực hiện khấu trừ thuế thu nhập tại nước sở tại. Khoản thuế thu nhập mà Công ty nộp ở nước ngoài được thực hiện như sau:

- Khoản thuế thu nhập đã nộp tại Myanmar (nước đã ký Hiệp định tránh thuế hai lần với Việt Nam), Công ty căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài và khấu trừ vào số thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam tương ứng phần doanh thu cung cấp và lắp đặt công trình tại Myanmar đã hạch toán tại Việt Nam trong năm đó, đồng thời kê khai vào chỉ tiêu “Số thuế TNDN được miễn giảm theo Hiệp định” [MS C13] trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm đó nhưng không vượt quá số thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam đối với công trình lắp đặt tại Myanmar. Trường hợp Công ty không xác định được số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được khấu trừ tại Việt Nam thì toàn bộ số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm

- Đối với khoản thuế thu nhập mà Công ty đã nộp tại Campuchia (nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam) thì Công ty hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, nếu đáp ứng đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh số thuế đã nộp ở nước ngoài.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
  - Phòng Pháp chế;
  - Phòng KT 1;
  - Lưu: VT, TTHT.
- 899-31119024/2017-pdhoa

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Nam Bình